

Phụ lục
TIÊU CHÍ RIÊNG ĐÁNH GIÁ THÍ ĐIỂM HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nhóm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm quản lý nhà nước về PBGDPL		45		Kế hoạch công tác PBGDPL của đơn vị, địa phương
1.1	Mức độ hoàn thành trách nhiệm xây dựng Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý	Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:	10		
a)		Căn cứ xây dựng Kế hoạch:	4		
		- Phù hợp với Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL trung ương;	1		
		+ Phù hợp	1		
		+ Không phù hợp	0		
		- Phù hợp với Kế hoạch PBGDPL của Thành phố;	1		
		+ Phù hợp	1		
		+ Không phù hợp	0		
		- Có sự nghiên cứu, nắm bắt về nhu cầu thông tin pháp luật trên địa bàn quản lý làm cơ sở để xây dựng Kế hoạch.	2		
		+ Có sự nghiên cứu, nắm bắt	2		
		+ Chưa có sự nghiên cứu, nắm bắt	0		
		Nội dung Kế hoạch:	6		
		1. Xác định đối tượng cần được ưu tiên thụ hưởng các hoạt động PBGDPL trên địa bàn quản lý trong năm công tác.	1		
		+ Có xác định	1		
		+ Không xác định	0		
		2. Xác định những văn bản pháp luật và nội dung pháp luật trọng tâm trên địa bàn cần thực hiện PBGDPL trong năm công tác.	1		
		+ Có xác định	1		
		+ Không xác định	0		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
b)		3. Xác định cách thức và hình thức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể đối với từng nội dung cần PBGDPL trong năm công tác.	1		
		+ Có xác định	1		
		+ Không xác định	0		
		4. Xác định nguồn nhân lực tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể.	1		
		+ Có xác định	1		
		+ Không xác định	0		
		5. Xác định kinh phí bảo đảm tổ chức thực hiện đối với từng hoạt động PBGDPL cụ thể.	1		
		+ Có xác định	1		
		+ Không xác định	0		
		6. Xác định kết quả dự kiến đạt được đối với các hoạt động PBGDPL cụ thể. Ví dụ: Số lượng người thụ hưởng, tác động của hoạt động đối với ý thức chấp hành pháp luật của đối tượng thụ hưởng hoặc các tác động khác tới	1		
		+ Có xác định	1		
		+ Không xác định	0		
1.2	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL/ cơ quan, đơn vị trong công tác PBGDPL (nếu có). Trường hợp không ban hành thì đánh giá theo mức độ hoàn thành Kế hoạch chung ban hành về công tác PBGDPL	Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:	8		
		Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL/cơ quan, đơn vị hàng năm và các nhiệm vụ trọng tâm của địa phương hoặc Kế hoạch chung ban hành về công tác PBGDPL	6		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
a)		- Hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch	1		Báo cáo kết quả công tác PBGDPL của đơn vị, địa phương; Báo cáo kết quả thực hiện kết luận kiểm tra (nếu có)
		+ Có thực hiện	1		
		+ Không thực hiện	0		
		- Tổ chức sơ kết, tổng kết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhận diện các cách làm hay, hiệu quả trong công tác PBGDPL (Ví dụ: mô hình điển hình về công tác PBGDPL; các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật: hội nghị trực tuyến, đối thoại, tọa đàm, tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật, tuyên truyền trên Trang/Cổng thông tin điện tử, hội nhóm zalo, facebook....)	1		
		+ Có thực hiện	1		
		+ Không thực hiện	0		
		- Tỷ lệ % nhiệm vụ hoàn thành	4		
		+ Hoàn thành từ 90% trở lên	4		
		+ Hoàn thành từ 80% đến dưới 90%	3		
		+ Hoàn thành từ 70% đến dưới 80%	2		
		+ Hoàn thành từ 60% đến dưới 70%	1		
		+ Hoàn thành dưới 60%	0		
b)		Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đột xuất ngoài kế hoạch do Thành phố hoặc do cấp ủy, chính quyền địa phương cùng cấp giao.	1		
		- Hoàn thành từ 90% trở lên	1		
		- Hoàn thành từ 80% đến dưới 90%	0.75		
		- Hoàn thành từ 70% đến dưới 80%	0.5		
		- Hoàn thành từ 60% đến dưới 70%	0.25		
		- Hoàn thành dưới 60%	0		
c)		Mức độ hoàn thành việc tổ chức các Đoàn kiểm tra của Thành phố hoặc Hội đồng phối hợp PBGDPL cùng cấp và các thành viên Hội đồng tại các địa phương, cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch.	1		
		- Hoàn thành từ 90% trở lên	1		
		- Hoàn thành từ 80% đến dưới 90%	0.75		
		- Hoàn thành từ 70% đến dưới 80%	0.5		
		- Hoàn thành từ 60% đến dưới 70%	0.25		
		- Hoàn thành dưới 60%	0		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
1.3	Mức độ bảo đảm nguồn nhân lực cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm đã được phê duyệt	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	8		Báo cáo về thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác PBGDPL; báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật của đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm được xác định trong Kế hoạch PBGDPL năm
a)		Tỷ lệ % tổng số lượng nhân sự được bố trí trên thực tế để triển khai các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm so với tổng số lượng nhân sự được xác định trong Kế hoạch.	4		
		- Bố trí từ 90% trở lên	4		
		- Bố trí từ 80% đến dưới 90%	3		
		- Bố trí từ 70% đến dưới 80%	2		
		- Bố trí từ 60% đến dưới 70%	1		
		- Bố trí dưới 60%	0		
b)		Tỷ lệ % các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm được bố trí đủ số lượng nhân sự theo Kế hoạch được phê duyệt trên tổng số nhiệm vụ trong Kế hoạch được phê duyệt.	4		
		- Bố trí từ 90% trở lên	4		
		- Bố trí từ 80% đến dưới 90%	3		
		- Bố trí từ 70% đến dưới 80%	2		
		- Bố trí từ 60% đến dưới 70%	1		
		- Bố trí dưới 60%	0		
1.4	Mức độ bảo đảm kinh phí cho việc thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm đã được phê duyệt	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	8		Báo cáo, thống kê dự toán kinh phí được phê duyệt; thanh quyết toán kinh phí triển khai công tác PBGDPL của đơn vị, địa phương
a)		Tỷ lệ % các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL được bố trí kinh phí riêng trên tổng số hoạt động PBGDPL đã được phê duyệt với mức chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật.	2.5		
		- Bố trí từ 90% trở lên	2.5		
		- Bố trí từ 80% đến dưới 90%	2		
		- Bố trí từ 70% đến dưới 80%	1.5		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
		- Bố trí từ 60% đến dưới 70%	1		
		- Bố trí dưới 60%	0		
b)		Tỷ lệ % tổng số kinh phí thực tế được bố trí trên tổng số kinh phí được xác định trong Kế hoạch PBGDPL đã được phê duyệt với mức chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật.	2.5		
		- Bố trí từ 90% trở lên	2.5		
		- Bố trí từ 80% đến dưới 90%	2		
		- Bố trí từ 70% đến dưới 80%	1.5		
		- Bố trí từ 60% đến dưới 70%	1		
		- Bố trí dưới 60%	0		
c)		Tỷ lệ % các nhiệm vụ thực tế được bố trí đầy đủ kinh phí trên tổng số nhiệm vụ được xác định trong Kế hoạch PBGDPL đã được phê duyệt (cần được bố trí kinh phí).	3		
		- Bố trí từ 90% trở lên	3		
		- Bố trí từ 80% đến dưới 90%	2.5		
		- Bố trí từ 70% đến dưới 80%	2		
		- Bố trí từ 60% đến dưới 70%	1.5		
		- Bố trí dưới 60%	0		
1.5	Mức độ thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	3		- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoặc chính sách khuyến khích xã hội hóa công tác PBGDPL được ban hành. - Báo cáo, số liệu thống kê kinh phí thu được từ hoạt động xã hội hóa và kinh phí từ ngân sách nhà nước. - Tổng hợp kinh phí cho công tác PBGDPL được ngân
a)		Tỷ lệ % kinh phí huy động từ nguồn xã hội hóa trên tổng số kinh phí PBGDPL được xác định trong Kế hoạch.	1.5		
		- Huy động được từ 90% trở lên	1.5		
		- Huy động được từ 80% đến dưới 90%	1.25		
		- Huy động được từ 70% đến dưới 80%	1		
		- Huy động được từ 60% đến dưới 70%	0.75		
		- Huy động dưới 60%	0		
b)		Tỷ lệ % số lượng nhân sự huy động được từ nguồn xã hội hóa (đội ngũ luật sư, luật gia, người dân có kiến thức chuyên môn...) tham gia thực hiện các nhiệm vụ PBGDPL trên tổng số nhân sự triển khai các nhiệm vụ được xác định trong Kế hoạch được phê duyệt.	1.5		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
		- Huy động được từ 90% trở lên	1.5		sách nhà nước cấp.
		- Huy động được từ 80% đến dưới 90%	1.25		
		- Huy động được từ 70% đến dưới 80%	1		
		- Huy động được từ 60% đến dưới 70%	0.75		
		- Huy động dưới 60%	0		
1.6	Mức độ đáp ứng yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác PBGDPL	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	5		
a)		Việc xây dựng Cổng/Trang Thông tin PBGDPL hoặc chuyên mục/tiểu mục về PBGDPL thuộc Cổng/Trang thông tin của đơn vị (có/không).	1		Địa chỉ Cổng/Trang Thông tin PBGDPL, chuyên mục
		- Có xây dựng	1		
		- Không xây dựng	0		
b)		Tính đầy đủ của thông tin PBGDPL trên Cổng/Trang Thông tin PBGDPL hoặc các chuyên mục/tiểu mục về PBGDPL.	3		Báo cáo về thông tin trên Cổng/Trang Thông tin PBGDPL, chuyên mục căn cứ quy định về nội dung tại Mục III Điều 1 Quyết định số 471/QĐ-TTg
		- Đối với Cổng/Trang Thông tin PBGDPL: Có đầy đủ các chuyên mục, nội dung theo quy định tại Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019-2021”) và Kế hoạch thực hiện Đề án chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025-2030 trên địa bàn Thành phố	1.5		
		+ Đủ chuyên mục, nội dung	1.5		
		+ Thiếu chuyên mục, nội dung	0		
		- Đối với chuyên mục/tiểu mục về PBGDPL	1.5		
		+ Đăng tải các thông tin pháp luật, PBGDPL	0.75		
		Có đăng tải	0.75		
		Không đăng tải	0		
		+ Đăng tải thông tin, nội dung phục vụ quản lý nhà nước về PBGDPL	0.75		
		Có đăng tải	0.75		
		Không đăng tải	0		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
c)		Việc vận hành Cổng/Trang Thông tin PBGDPL hoặc chuyên mục/tiêu mục về PBGDPL thuộc Cổng/Trang thông tin của đơn vị (có/không).	1		Danh mục thông tin và thời điểm đăng tải thông tin
		- Có vận hành	1		
		- Không vận hành	0		
1.7	Mức độ hoàn thành trách nhiệm về xây dựng, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL	Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:	3		- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL - Báo cáo kết luận, kiểm tra
a)		Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL.	1.5		
		- Có ban hành văn bản	1.5		
		- Không ban hành văn bản	0		
b)		Định kỳ hàng năm kiểm tra, đánh giá chất lượng các mô hình, cách làm hiệu quả.	1.5		
		- Đánh giá, kiểm tra định kỳ	1.5		
		- Không đánh giá, kiểm tra định kỳ	0		
2	Nhóm tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra của hoạt động phổ biến giáo dục Luật Thủ đô		55		
2.1	Mức độ đánh giá của đối tượng thụ hưởng về chất lượng tổ chức các hoạt động phổ biến giáo dục Luật Thủ đô	Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:	25		- Báo cáo tình hình tổ chức hoạt động PBGDPL; khảo sát, điều tra xã hội học theo mẫu và các báo cáo đánh giá có liên quan (nếu có) - Kết quả, mức độ quan tâm theo dõi từ khán giả, người dân đối với nội dung PBGDPL trên chương trình phát thanh, truyền hình, Cổng/Trang Thông tin điện tử, mạng xã hội...
a)		Tỷ lệ % số lượng người biết về nội dung, thông tin pháp luật được PBGDPL so với số lượng dự kiến đạt được theo Kế hoạch.	10		
		- Đạt trên 90%	10		
		- Đạt từ 80% đến dưới 90%	8.5		
		- Đạt từ 70% đến dưới 80%	7.5		
		- Đạt từ 60% đến dưới 70%	6.5		
		- Đạt từ 50% đến dưới 60%	5.5		
		- Đạt dưới 50%	0		
		Đánh giá của đối tượng thụ hưởng các hoạt động PBGDPL cụ thể về các nội dung sau:	15		

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Nguồn kiểm chứng
b)		- Chất lượng thông tin pháp luật được cung cấp	5		
		Tốt	5		
		Trung bình	2.5		
		Kém	0		
		- Công tác tổ chức và thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể	10		
		+ Chất lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên	2.5		
		Tốt	2.5		
		Trung bình	1.5		
		Kém	0		
		+ Thời gian tổ chức	2.5		
		Phù hợp	2.5		
		Chưa phù hợp	0		
		+ Địa điểm thực hiện	2.5		
		Phù hợp	2.5		
		Chưa phù hợp	0		
		+ Phương tiện, vật chất phục vụ	2.5		
		Tốt	2.5		
		Trung bình	1.5		
		Kém	0		
2.2	Mức độ tác động của các hoạt động phổ biến giáo dục Luật Thủ đô	<i>Việc đánh giá thực hiện trên các nội dung sau:</i>	30		- Kết quả khảo sát trước và sau hoạt động phổ biến giáo dục Luật Thủ đô. - Điều tra xã hội học theo mẫu
		Tỷ lệ % số lượng người có sự cải thiện về nhận thức pháp luật giữa thực tế đạt được và dự kiến đạt được theo Kế hoạch	30		
		- Trên 90%	30		
		- Từ 80% đến dưới 90%	25		
		- Từ 70% đến dưới 80%	20		
		- Từ 60% đến dưới 70%	15		
		- Từ 50% đến 60%	10		
		- Dưới 50%	0		
	Tổng cộng		100		